

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Trảng Bàng,
tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị
hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số
1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số
1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính
phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 tháng 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1478/TTr-SXD ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 với các nội dung chính như sau đây:

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

a) Quan điểm

- Phát triển đô thị Trảng Bàng trở thành trung tâm công nghiệp tập trung đa ngành và dịch vụ logistics của tỉnh; trung tâm công nghiệp, thương mại - dịch vụ cấp vùng; là hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội, trung tâm động lực của vùng liên huyện phía Nam tỉnh Tây Ninh có vai trò là cực tăng trưởng trọng điểm phía Tây Bắc vùng thành phố Hồ Chí Minh; là cửa ngõ kết nối với các tỉnh.

- Phát triển đô thị Trảng Bàng gắn với các mục tiêu phát triển đô thị thông minh, tăng trưởng xanh, nâng cao chất lượng đô thị gắn với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, phân bố dân cư giữa các khu vực đô thị, nông thôn; sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng đô thị, đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng bền vững, giữ gìn những giá trị bản sắc văn hóa đô thị.

- Chương trình phát triển đô thị là cơ sở để xác định các khu vực phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt và danh mục các dự án khu đô thị mới trong đô thị,

làm cơ sở đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phát triển đồng bộ theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP; dự báo nhu cầu về nhà ở và dịch vụ đô thị; xây dựng kế hoạch đầu tư theo các giai đoạn 5 năm và hàng năm.

b) Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: Cụ thể hóa định hướng phát triển đô thị theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ tiêu Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng đô thị Trảng Bàng theo từng giai đoạn đến năm 2025, đến năm 2030, đảm bảo đạt các tiêu chí của đô thị loại III theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị; hoàn thành các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, đạt thấp; giai đoạn 2026-2030, thành lập thành phố thuộc tỉnh; đến năm 2035 đạt tiêu chí đô thị loại II.

+ Xác định danh mục dự án đầu tư và lộ trình nâng loại đô thị, từ đó có kế hoạch chuẩn bị nguồn vốn trong từng giai đoạn.

2. Phạm vi, quy mô lập chương trình phát triển đô thị

- Căn cứ theo phạm vi ranh giới của đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000 được phê duyệt là toàn bộ diện tích tự nhiên của thị xã Trảng Bàng, theo thống kê năm 2022 là 34.013,90 ha.

- Các đơn vị hành chính của thị xã Trảng Bàng, gồm: 06 phường (Trảng Bàng, Lộc Hưng, Gia Lộc, Gia Bình, An Tịnh, An Hòa) và 04 xã (Đôn Thuận, Hưng Thuận, Phước Bình, Phước Chí).

3. Các chỉ tiêu phát triển đô thị từng giai đoạn

a) Quy mô dân số:

- Đến năm 2025, quy mô dân số toàn đô thị đạt khoảng 185.000 người, trong đó: nội thị khoảng 134.000 người.

- Đến năm 2030, quy mô dân số toàn đô thị đạt khoảng 198.000 người, trong đó: nội thị khoảng 170.000 người.

- Đến năm 2035, quy mô dân số toàn đô thị đạt khoảng 220.000 người, trong đó: nội thị khoảng 180.000 người.

b) Quy mô đất đai:

Đến năm 2025, chỉ tiêu đất dân dụng là 50-80 m²/người, trong đó:

- Đất đơn vị ở 28-45 m²/người.
- Đất công cộng 3-4 m²/người.
- Đất cây xanh 7-10 m²/người.
- Đất giao thông 9-11 m²/người.

c) Các chỉ tiêu phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật: Phụ lục 2 đính kèm

4. Định hướng, lộ trình phát triển đô thị

a) Định hướng phát triển đô thị:

- Phát triển các khu đô thị mới, nhà ở theo dự án và chỉnh trang đô thị tại các khu vực trung tâm thị xã và khu vực có mật độ nhà ở cao, các khu dân cư nông thôn hiện hữu; phát triển các khu đô thị mới có sự giao thoa về không gian, kiến trúc, cảnh quan xung quanh khu trung tâm, đường Xuyên Á, đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, ... đạt các tiêu chí đô thị theo cấp loại đô thị đã được phân loại.

- Phát triển các khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới, khu dân cư kiểu mẫu, dự án nhà ở theo hướng mật độ thấp và trung bình tại các xã ngoại thị. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại khu vực dự kiến thành lập 2 phường mới là Đôn Thuận và Hưng Thuận.

- Phát triển nhà ở theo dự án, chỉnh trang đô thị tại các khu vực trung tâm, khu vực có mật độ nhà ở cao, khu dân cư nông thôn hiện hữu.

b) Lộ trình thực hiện:

- Đến năm 2025: Phát triển thị xã Trảng Bàng đáp ứng tiêu chuẩn về đánh giá phân loại đô thị loại III.

- Đến năm 2030: Thị xã Trảng Bàng trở thành thành phố Trảng Bàng. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện các tiêu chí của đô thị theo tiêu chí của đô thị loại III. Phần đầu đạt khoảng 75% tiêu chí đô thị loại II.

- Đến năm 2035: Thành phố Trảng Bàng đạt tiêu chí của đô thị loại II.

c) Các khu vực phát triển đô thị: Phụ lục 2 đính kèm.

5. Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện

a) Danh mục dự án: Phụ lục 3 đính kèm.

b) Nguồn vốn thực hiện

- Nguồn vốn: ngân sách, ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Hình thức huy động vốn: Hỗ trợ, đối ứng, vay, xã hội hóa và kêu gọi đầu tư bằng các hình thức đối tác công tư PPP, vốn ODA, ...

- Giải pháp phân bổ nguồn vốn:

+ Đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước: Ưu tiên đầu tư phát triển trong đầu tư công, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, các hạ tầng khung trong các đô thị, các công trình đầu mối trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường đô thị.

+ Đối với vốn ngoài ngân sách: Ưu tiên phát triển các dịch vụ công trong đô thị như thoát nước, xử lý nước thải, cải thiện môi trường, chiếu sáng; phát triển các khu vực mở rộng, tái thiết đô thị, khu đô thị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng

- Tổ chức công bố, lưu trữ hồ sơ Chương trình phát triển đô thị được phê duyệt theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị; tổ chức lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị (khu đô thị, khu dân cư, công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật), chỉnh trang đô thị theo quy hoạch, kế hoạch; triển khai thực hiện các giải pháp nhằm khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, đạt thấp để nâng cao chất lượng đô thị.

- Lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong khu vực phát triển đô thị; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi, cơ chế áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng trong khu vực phát triển đô thị.

- Tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng, UBND tỉnh định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu về tình hình thực hiện các dự án đầu tư và kế hoạch thực hiện các dự án phát triển đô thị.

2. Sở Xây dựng và các sở, ngành tỉnh có liên quan: Hướng dẫn UBND thị xã Trảng Bàng tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị xã Trảng Bàng; phối hợp và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng; Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *th*

Nơi nhận: *th*

- Như Điều 3;
- TT: TU, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



th

Dương Văn Thắng

PHỤ LỤC 1

Các chỉ tiêu phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đến năm 2035

(kèm theo Quyết định số .1130.../QĐ-UBND ngày ...12.. tháng ..6.. năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục	Hiện trạng 2022	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035
1	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km ²)	608	1.000	>1.400	1.800
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị	8.008	≥ 8.000	≥ 8.000	≥ 8.000
3	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị (%)	13	15	17 - 20	22 - 25
4	Diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị (m ² sàn/người)	32,08	> 32	≥ 32	≥ 32
5	Diện tích cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	6,41	≥ 7	≥ 7,0	≥ 10
6	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị (%)	21,37	≥ 21	≥ 21	≥ 22
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật khu vực nội thành, nội thị (%)	Đang XD mạng lưới	Xây dựng trạm xử lý	≥ 30	≥ 40
8	Các tiêu chuẩn chưa đạt mức tối thiểu và đạt ở mức thấp của thị xã Trảng Bàng theo tiêu chí đô thị loại III cần phải đầu tư, hoàn thiện				
8.1	Tăng tỷ trọng công nghiệp - Xây dựng và dịch vụ (%)	Theo mục tiêu đề ra	Theo mục tiêu đề ra	Vượt mục tiêu > 4%	Vượt mục tiêu > 4%
8.2	Mức tăng trưởng kinh tế 3 năm gần nhất (%)	8,6	> 8,7	≥ 9,0	≥ 9,0
8.3	Đất dân dụng bình quân (m ² /người)	69	≥ 80	≥ 80	≥ 80
8.4	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	6	6	≥ 8,0	≥ 10
8.5	Cấp điện sinh hoạt (kwh/người/năm)	1.087	≥ 1.100	≥ 1.500	≥ 1.500
8.6	Mức tiêu thụ nước sạch (lít/người/ngày đêm)	120	≥ 125	≥ 125	≥ 125
8.7	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng (%)	96,3	> 97	100	100

TT	Danh mục	Hiện trạng 2022	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035
8.8	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)	75,9	80	90	100
8.9	Tỷ lệ hòa táng (%)	10	10	≥ 15	≥ 30
8.10	Đất cây xanh công cộng nội thị (m2/người)	5,22	≥ 5,3	≥ 5,5	≥ 6
8.11	Công trình kiến trúc tiêu biểu (công trình)	07	07	07	07
8.12	Đất công trình công cộng đô thị (m2/người)	2,3	> 3	≥ 4	≥ 5
8.13	Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/10.000 dân)	6,3	6,3	≥ 28,0	≥ 28,0
8.14	Nhà tang lễ (công trình)	chưa có	chưa có	≥ 1	≥ 2
8.15	Quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch (quy chế)	75%	100%	100%	100%
8.16	Công trình xanh (công trình)	chưa có	chưa có	≥ 2	≥ 2
8.17	Khu chức năng, khu đô thị mô hình xanh, công nghệ cao, thông minh (khu)	chưa có	chưa có	≥ 2	≥ 4

PHỤ LỤC 2

Các khu vực phát triển đô thị đến năm 2035

(kèm theo Quyết định số *1130*.../QĐ-UBND ngày *12*.. tháng *6*... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Khu vực số I

- Vị trí, quy mô: Phường Trảng Bàng, diện tích 673,64 ha.
- Chức năng: Là khu trung tâm văn hóa, hành chính, chính trị, thương mại dịch vụ của thị xã Trảng Bàng, cùng các khu dân cư chất lượng cao; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ.

2. Khu vực số II

- Vị trí, quy mô: Phường An Hòa, diện tích 3.023 ha.
- Chức năng: Là khu ở và phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp; nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ.

3. Khu vực số III

- Vị trí, quy mô: Phường Gia Bình, diện tích 1.200,71 ha.
- Chức năng: Là khu ở và phát triển tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ.

4. Khu vực số IV

- Vị trí, quy mô: Phường Gia Lộc, diện tích 2.715,93 ha.
- Chức năng: Là khu ở và phát triển tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch nông nghiệp sinh thái, tham quan làng nghề, làng nông nghiệp; có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

5. Khu vực số V

- Vị trí, quy mô: Phường An Tịnh, diện tích 3.329,40 ha.
- Chức năng: Là khu ở và phát triển thương mại dịch vụ, công viên cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở; phát triển các khu dân cư chất lượng cao, đô thị hiện đại gắn với công nghiệp; có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

6. Khu vực số VI

- Vị trí, quy mô: Phường Lộc Hưng, diện tích 4.515,15 ha.
- Chức năng: Là khu ở, công nghiệp và làng nghề, nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

7. Khu vực số VII

- Vị trí, quy mô: Xã Hưng Thuận, diện tích 4.415,13 ha.
- Chức năng: Là khu vực mở rộng phát triển đô thị, khu ở, công nghiệp, logistic, thương mại dịch vụ, nông nghiệp và du lịch.

8. Khu vực số VIII

- Vị trí, quy mô: Xã Đôn Thuận, diện tích 5.857,13 ha.
- Chức năng: Là khu vực mở rộng phát triển đô thị, khu ở, công nghiệp, thương mại dịch vụ, nông nghiệp và du lịch.

9. Khu vực số IX

- Vị trí, quy mô: Xã Phước Bình và xã Phước Chỉ, diện tích 8.283,81 ha.
- Chức năng: Là khu vực dân cư và thương mại biên giới; phát triển nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch và đảm bảo quốc phòng an ninh.

PHỤ LỤC 3

Danh mục dự án đầu tư phát triển đô thị đến năm 2035

(kèm theo Quyết định số ...1150.../QĐ-UBND ngày ...12 tháng ...6... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên dự án
I	Các dự án đầu tư giai đoạn đến năm 2025
I.1	Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị
I.2	Lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng các xã dự kiến thành lập phường thuộc thành phố Trảng Bàng
I.3	Lập đề án thành lập thành phố Trảng Bàng
I.4	Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng xã hội
1	Xây dựng công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị
2	Đất cây xanh toàn đô thị
3	Đất cây xanh nội thị và khu vực dự kiến phường mới
I.4	Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật
1	Xây dựng, nâng cấp đường và công trình giao thông trên địa bàn thị xã
2	Xây dựng đường điện và các trạm biến áp
3	Xây dựng đường điện chiếu sáng đường phố chính
4	Chiếu sáng ngõ hẻm
5	Xây dựng, nâng cấp hệ thống cáp thông tin
6	Hệ thống cấp nước thị xã Trảng Bàng
7	Hệ thống thoát nước đường phố chính
8	Hệ thống cống thoát nước chính khu dân cư
9	Hệ thống xử lý nước thải thị xã Trảng Bàng
II	Các dự án đầu tư giai đoạn 2026 - 2030
II.1	Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng xã hội
1	Xây dựng bệnh viện đa khoa
2	Xây dựng công trình giáo dục đào tạo cấp đô thị
3	Xây dựng công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị
4	Công trình văn hóa cấp đô thị
5	Đất cây xanh toàn đô thị
6	Đất cây xanh nội thị
II.2	Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật
1	Xây dựng, nâng cấp đường và công trình giao thông trên địa bàn thị xã
2	Xây dựng đường điện và các trạm biến áp
3	Xây dựng đường điện chiếu sáng đường phố chính
4	Chiếu sáng ngõ hẻm
5	Xây dựng, nâng cấp hệ thống cáp thông tin
6	Hệ thống cấp nước thị xã Trảng Bàng

7	Hệ thống thoát nước đường phố chính
8	Hệ thống cống thoát nước chính khu dân cư
9	Hệ thống xử lý nước thải thị xã Trảng Bàng
10	Trạm xử lý nước thải Phước Bình
11	Xây dựng nghĩa trang, nhà tang lễ
III	Các dự án đầu tư giai đoạn 2031 - 2035
III.1	Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị
III.2	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung và chương trình phát triển đô thị thành phố Trảng Bàng
III.3	Lập đề án phân loại đô thị thành phố Trảng Bàng là đô thị loại II
III.4	Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng xã hội
1	Xây dựng bệnh viện đa khoa
2	Nâng cấp trung tâm y tế Trảng Bàng
3	Xây dựng công trình giáo dục đào tạo cấp đô thị
4	Xây dựng công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị
5	Công trình văn hóa cấp đô thị
6	Đất cây xanh toàn đô thị
7	Đất cây xanh nội thị
III.5	Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật
1	Xây dựng, nâng cấp đường và công trình giao thông trên địa bàn thị xã
2	Xây dựng đường điện và các trạm biến áp
3	Xây dựng đường điện chiếu sáng đường phố chính
4	Chiếu sáng ngõ hẻm
5	Xây dựng, nâng cấp hệ thống cáp thông tin
6	Hệ thống cấp nước thị xã Trảng Bàng
7	Hệ thống thoát nước đường phố chính
8	Hệ thống cống thoát nước chính khu dân cư
9	Hệ thống xử lý nước thải thị xã Trảng Bàng
10	Trạm xử lý nước thải Phước Bình
11	Xây dựng nghĩa trang, nhà tang lễ